

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-PT

Ngày 12/02/2025

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản (tiền)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũ;

Bà Trương Tố Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Út, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Bà Dương Thị Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 221/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Hứa Vũ Tấn Ph;

Địa chỉ: Số 483B, đường T, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.  
(vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Mai Hồng L; địa chỉ: LK02.01.03, đường C3, Khu dân cư M, khóm A, Phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 29/02/2024). (có mặt)

**- Bị đơn:**

1. Bà Đỗ Thanh N;

Địa chỉ: Số 05/27, Đường X, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.  
(vắng mặt)

2. Ông Phạm Thanh D;

Địa chỉ: Số 05/27, Đường X, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.  
(vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Thanh D:* Ông Hoàng Văn Q; địa chỉ: Số 25/28, đường L, khóm C, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thanh D (văn bản ủy quyền ngày 08/01/2025). (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Thanh D - Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2024 của nguyên đơn ông Hứa Vũ Tấn Ph và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Mai Hồng L trình bày:*

Ông Ph với ông D, bà N là bạn bè quen biết với nhau. Ông D, bà N có hỏi vay tiền của ông Ph và hứa sẽ trả lãi 5%/tháng. Từ ngày 25/5/2020 đến ngày 03/02/2021, ông Ph đã cho ông D, bà N vay tiền nhiều lần, có lúc cho vay tiền mặt, có lúc chuyển khoản qua ngân hàng với tổng số tiền là 1.151.000.000 đồng. Sau khi cho ông D, bà N vay, ông Ph đã nhiều lần đòi lại số tiền cho vay nhưng ông D, bà N hứa hẹn mà không trả, cho rằng làm ăn thua lỗ và tiếp tục hẹn đến tháng 8/2021 sẽ trả đủ. Tuy nhiên đến hẹn, ông D và bà N vẫn không trả.

Ông Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà N có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 1.151.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật 1,66%/tháng, tính từ ngày 01/8/2021 cho đến khi trả xong nợ. Tiền lãi tạm tính từ ngày 01/8/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (03 năm 02 tháng) là 726.050.800 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xin rút phần yêu cầu khởi kiện của ông Ph đối với bà N, chỉ yêu cầu một mình ông D có nghĩa vụ trả nợ cho ông Ph.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Thanh D trình bày:*

Từ ngày 25/5/2020 đến ngày 03/02/2021, ông có hỏi vay tiền nhiều lần của ông Ph, tổng cộng 1.151.000.000 đồng, có lần vay ông Ph đưa tiền mặt, có nhiều lần ông Ph chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, lãi suất vay thỏa thuận 05%/tháng, mục đích vay là để tiêu xài cá nhân, đầu tư tài chính trên mạng. Sau khi vay, ông có trả lãi cho ông Ph nhiều lần khoảng 200.000.000 đồng nhưng ông không nhớ trả tiền lãi cụ thể. Đây là khoản nợ cá nhân của ông, không liên quan đến bà N (vợ ông) nên ông đồng ý một mình có nghĩa vụ trả nợ cho ông Ph với số tiền vốn gốc 1.151.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông xin thay đổi ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và xác định lại tổng số tiền vốn gốc ông còn nợ ông Ph khoảng 670.000.000 đồng, vì trong quá trình vay tiền, ông có trả cho ông Ph nhiều lần và hợp đồng vay tiền ngày 01/11/2020 có nội dung ông Ph cho ông vay 300.000.000 đồng là không đúng, ông không có ký tên vào hợp đồng vay tiền ngày 01/11/2020.

*Đối với bị đơn bà Đỗ Thanh N:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản gửi cho Tòa án biết ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ph.

Tại Bản án số 221/2024/DS-ST ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 95, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Vũ Tấn Ph đối với ông Phạm Thanh D, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Phạm Thanh D có nghĩa vụ trả cho ông Hứa Vũ Tấn Ph số tiền vốn gốc và tiền lãi tổng cộng 1.877.050.800 đồng, trong đó tiền vốn gốc 1.151.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) là 726.050.800 đồng.*

*Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, ông Hứa Vũ Tấn Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Thanh D không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

*2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Vũ Tấn Ph đối với bà Đỗ Thanh N, về việc buộc bà Đỗ Thanh N có nghĩa vụ liên đới với ông Phạm Thanh D trả số tiền vốn gốc và lãi vay nêu trên.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 11/10/2024, ông D có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định số tiền vốn gốc ông còn nợ ông Ph là 670.000.000 đồng chứ không phải 1.151.000.000 đồng, đồng thời bù trừ số tiền lãi 200.000.000 đồng mà ông đã trả vào số tiền lãi theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà N vắng mặt không có lý do.

Người đại diện hợp pháp của ông Ph không rút lại đơn khởi kiện và đồng ý trừ số tiền lãi mà ông D đã chuyển trả cho ông Ph theo chứng từ hợp lệ là 129.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của ông D không rút kháng cáo và xin thay đổi kháng cáo là xác định số tiền vốn gốc mà ông Ph cho ông D vay theo chứng từ chuyên khoản qua Ngân hàng là 692.500.000 đồng chứ không phải 1.151.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lại tiền lãi trên nợ gốc 692.500.000 đồng và trừ số tiền lãi 129.000.000 đồng mà ông D đã chuyển trả cho ông Ph vào tiền lãi sau khi tính lại.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung kháng cáo của ông D: Đối với tiền vốn gốc, tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2024, ông D cũng thừa nhận có vay và còn nợ ông Ph tiền vốn 1.151.000.000 đồng chưa trả; ông D kháng cáo cho rằng chỉ vay khoảng 670.000.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông lại yêu cầu xác định số tiền vay 692.500.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới nên đề nghị không chấp nhận đối với yêu cầu xác định lại tiền vốn gốc 692.500.000 đồng và tính lại tiền lãi. Đối với yêu cầu trừ số tiền lãi đã trả vào tiền lãi mà ông D phải trả cho ông Ph, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông D cho rằng theo chứng từ sao kê từ Ngân hàng, sau khi vay, ông D có chuyển trả lãi cho ông Ph được 129.000.000 đồng, người đại diện hợp pháp của ông Ph cũng đồng ý trừ vào tiền lãi nên yêu cầu kháng cáo này là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của ông D, sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể trừ số tiền lãi 129.000.000 đồng mà ông D đã trả cho ông Ph vào số tiền lãi mà ông D phải có nghĩa vụ trả cho ông Ph.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Đỗ Thanh N: Bà đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bà cũng không có kháng cáo, do đó căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đối với bà.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Phạm Thanh D đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông D thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể yêu cầu xác định số tiền gốc mà ông Ph cho ông D vay theo chứng từ chuyên khoản qua ngân hàng là 692.500.000 đồng chứ không phải 1.151.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lại tiền lãi trên nợ gốc 692.500.000 đồng và trừ số tiền lãi 129.000.000 đồng mà ông D đã chuyển trả cho ông Ph vào tiền lãi sau khi tính lại. Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Căn cứ Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của ông D, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[5] Đối với tiền vốn gốc: Ông Ph cho rằng từ ngày 25/5/2020 đến ngày 03/02/2021, ông D vay tiền ông nhiều lần, tổng cộng 1.151.000.000 đồng, có lúc đưa tiền mặt, có lúc chuyển khoản qua Ngân hàng. Tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2024, ông D cũng thừa nhận có vay và còn nợ ông Ph tiền vốn gốc 1.151.000.000 đồng chưa trả. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết ông Ph không phải chứng minh. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D thay đổi ý kiến, cho rằng tổng số tiền ông vay của ông Ph khoảng 670.000.000 đồng, với lý do sau khi vay, ông có trả cho ông Ph nhiều lần và hợp đồng vay tiền ngày 01/11/2020 có nội dung ông Ph cho ông vay 300.000.000 đồng là không đúng, ông không có ký tên vào hợp đồng vay tiền ngày 01/11/2020, nhưng ông không lý giải được tại sao không vay mà lại thừa nhận nợ, cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền ông vay chính xác là bao nhiêu và ông cũng không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong hợp đồng vay tiền nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định ông có vay của ông Ph tổng cộng 1.151.000.000 đồng chưa trả và buộc ông trả cho ông Ph số tiền này là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Đối với tiền lãi: Hai bên thừa nhận thỏa thuận lãi suất 05%/tháng là chưa phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 468 của Bộ luật này quy định: *“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Tuy nhiên, ông Ph chỉ yêu cầu ông D trả tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 30/9/2024) là phù hợp với quy định nêu trên và có lợi cho ông D về thời gian tính lãi nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận, buộc ông D trả cho ông Ph số tiền lãi cụ thể: 1.151.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 03 năm 02 tháng = 726.050.800 đồng là đúng.

[7] Như vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ph, buộc ông D có nghĩa vụ trả cho ông Ph tiền vốn gốc 1.151.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm

726.050.800 đồng, tổng cộng 1.877.050.800 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8] Ông D kháng cáo yêu cầu xác định lại số tiền vốn gốc mà ông Ph cho ông vay theo chứng từ chuyển khoản qua ngân hàng là 692.500.000 đồng chứ không phải 1.151.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lại tiền lãi trên nợ gốc 692.500.000 đồng và trừ tiền số tiền lãi 129.000.000 đồng mà ông đã chuyển trả cho ông Ph vào tiền lãi sau khi tính lại. Xét thấy, đối với tiền nợ gốc, như đã nêu trên, tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2024, ông D đã thừa nhận có vay và còn nợ ông Ph 1.51.000.000 đồng, nay ông chỉ thừa nhận có vay của ông Ph theo chứng từ chuyển khoản qua ngân hàng 692.500.000 đồng là chưa đủ căn cứ và không phù hợp với thực tế; bởi lẽ, ông Ph cho ông vay tiền không chỉ chuyển khoản qua Ngân hàng mà còn đưa tiền trực tiếp, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo xác định lại nợ gốc. Do yêu cầu xác định lại nợ gốc không được chấp nhận nên yêu cầu tính lại tiền lãi cũng không có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu trừ số tiền lãi 129.000.000 đồng mà ông đã chuyển trả cho ông Ph vào tiền lãi ông còn nợ ông Ph thì, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông Ph cũng thừa nhận ông Ph có nhận số tiền này và đồng ý trừ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo này.

[9] Ngoài ra, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án: “*Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn anh Hứa Vũ Tấn Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn anh Phạm Thanh D không thanh toán số tiền nêu trên cho anh Ph thì anh D còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án*” là chưa phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết này hướng dẫn: “*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*”. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp với hướng dẫn này và rút kinh nghiệm chung đối với cấp sơ thẩm.

[10] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông D, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với tiền lãi, cụ thể trừ số tiền 129.000.000 đồng mà ông D đã chuyển trả lãi cho ông Ph vào số tiền lãi mà ông D còn nợ ông Ph tính đến ngày

xét xử sơ thẩm 726.050.800 đồng, ông D còn phải trả tiền lãi cho ông Ph là 597.050.800 đồng.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (gọi tắt là Nghị quyết 326), Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: Ông D phải chịu án phí có giá ngạch là 64.441.524 đồng, còn ông Ph không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 nêu trên thì ông D (người kháng cáo) không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phạm Thanh D.

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 221/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể:

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Vũ Tấn Ph. Buộc ông Phạm Thanh D có nghĩa vụ trả cho ông Hứa Vũ Tấn Ph số tiền vốn gốc 1.151.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi một triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 9 năm 2024) là 597.050.800 đồng (Năm trăm chín mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng), tổng cộng 1.748.050.800 đồng (Một tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01 tháng 10 năm 2024), ông Phạm Thanh D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

1.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Vũ Tấn Ph đối với bà Đỗ Thanh N, về việc buộc bà Đỗ Thanh N có nghĩa vụ liên đới với ông Phạm Thanh D trả số tiền vốn gốc và tiền lãi nêu trên.

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hứa Vũ Tấn Ph không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001644 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Phạm Thanh D phải chịu là 64.441.524 đồng (Sáu mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng).

**2. Án phí dân sự phúc thẩm:**

Ông Phạm Thanh D không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002092 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.**

**4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND Tp. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS Tp. S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng Lâm**